TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Thủy- Ông Đinh Quốc Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng- chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị V, sinh năm 1998

Nơi thường trú: xóm G, xã B, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang sinh sống và làm việc: Số D, ngõ B, đường S, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

Bị đơn: Anh Lường Văn Đ, sinh năm 1993, nơi thường trú: Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Chị V và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai chị Đinh Thị V trình bày*: Chị và anh Lường Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) ngày 18/3/2024 trên cơ sở tự nguyện. Năm 2023, chị xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), đến năm 2024 chị về nước kết hôn với anh Đ, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn thì chị tiếp tục quay lại Đài Loan để làm việc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên dần tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng do điều kiện công việc, cũng như do khoảng cách địa lý đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Về phía bị đơn anh Lường Văn Đ:* xác định anh và chị V được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn vào tháng 3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, ngày 08/4/2024 chị V tiếp tục đi lao động tại Đài Loan cho đến ngày 23/8/2025 chị V có về Việt Nam nhưng mục đích đi cắt mí mắt cho đến ngày 30/8/2025 thì tiếp tục trở về Đài Loan làm việc. Trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng không chung sống cùng nhau, đến nay nhận được thông báo về việc chị V đề nghị giải quyết ly hôn, anh xác định tình cảm với chị V không còn, anh nhất trí giải quyết ly hôn.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị V, anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị V. Cho chị V được ly hôn anh Lường Văn Đ, Về con chung: Không có; Về tài sản chung: không có, nợ chung không giải quyết; Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: chị Đinh Thị V xin ly hôn với bị đơn anh Lường Văn Đ có nơi thường trú tại xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự, tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị V ủy quyền cho chị Huỳnh Ngọc H và Đặng Thị Thu S (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2025 được Văn phòng C chứng thực số 5433, quyển số 02/2025-SCT/CK,ĐC) do đó Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị V và anh Đ đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Đinh Thị V và anh Lường Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: giữa chị V và anh Đ sau khi kết hôn thì mỗi người sống một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ với nhau trong cuộc sống, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí giải quyết ly hôn như vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị V được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị V và anh Đ đều xác định vợ chồng không có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh Đ đều xác định không có tài sản chung, không có nợ ai và cho ai vay nợ gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị V

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị V được ly hôn anh Lường Văn Đặng.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác cho các đương sự, nếu có tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001366 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự../.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (Số GCN 04/2024 ngày 18/3/2024 tại UBND xã Bảo Linh, huyện Định Hóa);
- Lưu: HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Chu Thị Bích Hiền